

Số: /2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO
LẦN 2

THÔNG TƯ

Quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tài chính tại chính quyền địa phương

Căn cứ Luật Phòng, chống tham nhũng số 36/2018/QH14 được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 59/2020/QH14, Luật số 81/2025/QH15 và Luật số 132/2025/QH15;

Căn cứ Luật số 64/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025, Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tài chính tại chính quyền địa phương.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định danh mục và thời hạn phải định kỳ chuyển đổi vị trí công tác trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị (sau đây gọi tắt là cơ quan) thuộc lĩnh vực tài chính tại chính quyền địa phương.

2. Thông tư này áp dụng đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tài chính tại các cơ quan thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý tại chính quyền địa phương.

Điều 2. Nguyên tắc thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Các cơ quan theo thẩm quyền có trách nhiệm định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý nhằm phòng ngừa tham nhũng.

2. Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác phải đảm bảo khách quan, hợp lý, phù hợp với chuyên môn, nghiệp vụ và không làm ảnh hưởng đến hoạt động của đơn vị.

3. Việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác phải được thực hiện theo kế hoạch và được công khai trong đơn vị.

4. Không được lợi dụng việc định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức vì vụ lợi hoặc để trừ dập công chức, viên chức.

5. Không thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với người có thời gian công tác còn lại dưới 18 tháng cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

6. Ngoài việc thực hiện nguyên tắc theo Thông tư này, đối với viên chức còn phải căn cứ vào hợp đồng làm việc đã ký với đơn vị sự nghiệp.

Điều 3. Phương thức thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Việc chuyển đổi vị trí công tác là một nội dung trong công tác cán bộ đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, trực tiếp là các cấp ủy, tổ chức đảng; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, nêu cao trách nhiệm của tập thể lãnh đạo và người đứng đầu cơ quan.

2. Định kỳ hằng năm, cấp ủy và người đứng đầu cơ quan phải ban hành, công khai kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác; kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác phải nêu rõ mục đích, yêu cầu, trường hợp cụ thể phải chuyển đổi vị trí công tác, thời gian thực hiện chuyển đổi, quyền, nghĩa vụ của người phải chuyển đổi vị trí công tác và biện pháp tổ chức thực hiện.

Việc rà soát, xây dựng kế hoạch định kỳ chuyển đổi vị trí công tác được thực hiện trong Quý I hằng năm.

3. Chuyển đổi vị trí công tác cùng chuyên môn, nghiệp vụ từ bộ phận này sang bộ phận khác trong cơ quan; giữa các lĩnh vực, địa bàn được phân công theo dõi, phụ trách, quản lý hoặc giữa các cơ quan trong phạm vi quản lý của chính quyền địa phương.

4. Đối với cơ quan chỉ có một vị trí trong danh mục vị trí công tác định kỳ chuyển đổi mà vị trí này có yêu cầu chuyên môn, nghiệp vụ khác với các vị trí còn lại của cơ quan đó thì việc chuyển đổi do người đứng đầu cơ quan cấp trên trực tiếp lập kế hoạch chuyển đổi chung.

Điều 4. Trường hợp chưa thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Các trường hợp chưa thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác thực hiện theo quy định tại Điều 38 của Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 134/2021/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ và Nghị định số 184/2026/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

Điều 5. Danh mục thuộc lĩnh vực tài chính phải thực hiện định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

Danh mục vị trí công tác trong lĩnh vực tài chính định kỳ chuyển đổi quy định tại Phụ lục kèm theo Thông tư này.

Điều 6. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác

1. Thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc quy định tại Điều 5 Thông tư này là từ đủ 02 năm đến 05 năm theo quy định.

2. Thời điểm tính thời hạn chuyển đổi vị trí công tác là thời điểm có quyết định điều động, bố trí phân công nhiệm vụ của cấp có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026.

2. Kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành, Thông tư số 18/2022/TT-BKHĐT ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực Đầu tư ở địa phương và Thông tư số 27/2024/TT-BTC ngày 03 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định danh mục và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc thuộc lĩnh vực tài chính tại chính quyền địa phương hết hiệu lực thi hành.

Điều 8. Trách nhiệm thi hành

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, cá nhân phản ánh về Bộ Tài chính để tổng hợp, xem xét và hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng Chính phủ; các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các Đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính: Bộ trưởng, các Thứ trưởng, các đơn vị thuộc Bộ;
- Các Sở thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT, TCCB (b).

BỘ TRƯỞNG

Ngô Văn Tuấn

DỰ THẢO

PHỤ LỤC

DANH MỤC THUỘC LĨNH VỰC TÀI CHÍNH PHẢI THỰC HIỆN

ĐỊNH KỲ CHUYÊN ĐỔI VỊ TRÍ CÔNG TÁC

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Phân bổ ngân sách;
2. Kế toán, Kế toán trưởng;
3. Mua sắm công;
4. Thẩm định, kiểm tra và quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước;
5. Thẩm định, cấp giấy chứng nhận đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam.
6. Thẩm định dự án.
7. Đấu thầu và quản lý đấu thầu.
8. Lập, phân bổ, quản lý kế hoạch vốn.
9. Quản lý quy hoạch.
10. Quản lý khu công nghiệp - khu chế xuất - khu kinh tế.
11. Quản lý doanh nghiệp và đăng ký kinh doanh.
12. Quản lý ODA, vốn vay ưu đãi.
13. Thẩm định, định giá trong đấu giá.